

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **274/2018/HNGĐ_ST**

Ngày: 27/8/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Thê Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2401/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Vân X**, sinh năm 1992

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 4/1, tổ 43, Kp.02, P.Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Vân X trình bày:
Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu, năm 2012 bà cùng ông Nguyễn Văn Y tự nguyện kết hôn. Ngày 02/3/2012, UBND xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13/2012, quyền số 01/2012 cho bà và ông Y. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do ông Y ghen tuông, dẫn đến hay cãi vã xúc phạm nhau. Ông Y thậm chí còn đánh đập, lăng mạ vợ. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Y, cả hai không thể chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Bà và ông Y có 01 con chung là Nguyễn Trọng Minh, sinh ngày 15/3/2013. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Nguyễn Văn Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Vân X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Vân X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Theo xác nhận của công an Phường Tân Mai ngày 31/10/2017 và biên bản xác minh ngày 14/5/2018 bà Vân X và ông Y hiện chung sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà Vân X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Vân X và ông Nguyễn Văn Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13/2012, quyền số

01/2012 ngày 02/3/2012, đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Vân X cho rằng từ việc ghen tuông nên vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, thậm chí đánh đập nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y. Yêu cầu này của bà Vân X có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Theo biên bản xác minh ngày 14/5/2018, địa phương nơi bà Vân X và ông Y sinh sống xác định vợ chồng bà X ông Y sống không hạnh phúc thường xuyên cãi vã, thậm chí có đánh nhau. Ngày 11/02/2017, Công an Phường Tân Mai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành vi hành chính số 09/QĐ-XPVPHC đối với ông Y về hành vi “Đánh đập, có thương tích cho các thành viên gia đình”. Từ những chứng cứ đó cho thấy, vợ chồng bà Vân X ông Y mâu thuẫn là có thật, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Bà Vân X và ông Y có 01 con chung là Nguyễn Trọng Minh, sinh ngày 15/3/2013. Cháu Minh còn nhỏ, theo biên bản xác minh cho thấy người đang trực tiếp chăm sóc cháu Minh là bà Vân X, do đó giao con chung cho bà Vân X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà Vân X là phù hợp. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Vân X không yêu cầu.

- Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, bà X xác định để vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Trần Thị Vân X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Vân X đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Trần Thị Vân X, sinh năm 1992 được ly hôn với ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1986.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trọng Minh, sinh ngày 15/3/2013 cho bà Trần Thị Vân X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Trần Thị Vân X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003423 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Vân X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND X. Bắc Sơn
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt